

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HS-ST.

Ngày 25/8/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QS, TỈNH Q N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm;
2. Ông Nguyễn Công Tài.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mai Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện QS, tỉnh Q N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QS, tỉnh Q N tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện QS, tỉnh Q N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HS ngày 10/8/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng N, sinh ngày 28/11/1991 tại huyện QS, tỉnh Q N. Nơi cư trú: tổ dân phố Thuận An, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Q N; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí H và bà Nguyễn Thị X; vợ Trần Thị Thu T (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 21/4/2022, chuyển tạm giam ngày 24/4/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: ông Phan Văn L, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Phước Thành, xã Quế Thuận, huyện QS, tỉnh Q N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: tổ dân phố Thuận An, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Q N.

+ Anh Lưu Văn Th, sinh năm 1995. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1965. Có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Thạch Thượng, xã Quế Phong, huyện QS, tỉnh Q N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 16/4/2022, bị cáo N cùng anh Th điều khiển xe ô tô hiệu Toyota, loại Vios màu trắng bạc, biển số 92A-097.69 đến nhà ông Phan Văn L để cầm xe. Khi đến nhà ông L, bị cáo N nói ông L cầm xe ô tô 92A-097.69 với giá 40.000.000 đồng nhưng ông L không đồng ý. Ông L chỉ đồng ý cho bị cáo N mượn tiền với điều kiện bị cáo N phải để lại xe ô tô và các giấy tờ liên quan. Bị cáo N đồng ý rồi viết giấy mượn tiền đưa cho ông L có nội dung: N có mượn của ông L 40.000.000 đồng, có để lại xe ô tô 92A-097.69 cùng các giấy tờ kèm theo gồm Giấy chứng nhận kiểm định xe, Giấy chứng nhận đăng ký xe phô tô công chứng, Căn cước công dân và Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hồng N. Do có ít tiền nên ông L chỉ cho bị cáo N mượn 10.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo N điều khiển xe ô tô 92A-097.69 vào vị trí mà ông L bảo rồi giao chìa khóa xe ô tô cho ông L quản lý rồi bị cáo N cùng anh Th ra về.

Đến khoảng 23 giờ ngày 20/4/2022, bị cáo N điện thoại cho anh Th nhờ anh Th chở bị cáo đến nhà ông L để lấy xe ô tô, anh Th đồng ý. Trên đường đi đến nhà ông L, anh Th hỏi bị cáo N “*Có tiền chưa*”, bị cáo N nói “*Xe ô tô mà cầm có 10.000.000 đồng ít quá, có giấy tờ để lại được rồi, anh lấy xe trước rồi nói ông L sau*”. Lúc này, anh Th có nói với bị cáo N: “*Em chở anh lên, em cũng cầm cái điện thoại, còn anh làm gì thì em không biết*”. Khi đến nhà ông L, bị cáo N xuống xe tại vị trí để xe ô tô còn Th vào nhà ông L gặp ông L để cầm điện thoại. Sau khi cầm điện thoại, Th đi ra, bị cáo N ra hiệu cho Th đi về còn bị cáo N vẫn đứng ngoài đường gần vị trí xe ô tô. Một lúc sau, bị cáo N đi lại vị trí xe ô tô 92A-097.69, dùng chìa khóa xe dự phòng mở cửa xe, vào bên trong xe rồi điều khiển xe đi khỏi khu vực nhà ông L mà không thông báo cho ông L biết.

Sáng ngày 21/4/2022, ông L ngủ dậy phát hiện xe ô tô 92A-097.69 bị mất nên đã báo cáo sự việc đến cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quế Sơn kết luận: 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota, loại Vios E, màu bạc biển kiểm soát 92A-097.69 có giá trị định giá là 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*).

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 (một) xe ô tô hiệu Toyota, loại Vios E biển kiểm soát 92A-097.69; 01 (một) chìa khóa xe ô tô có hình logo của hãng Toyota (*đã trả lại cho ông Phan Văn L*).

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 92A-097.69; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A-097.69 (bản phô tô công chứng); 01 (một) chìa khóa dài 9,5cm rộng 3cm, có logo hãng Toyota.

- 01 (một) căn cước công dân, 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hồng N.

- 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lưu Văn Th; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu đen; 01 (một) cuốn sổ màu đen bên trong có giấy mượn tiền của Na (*đã trả lại cho ông L*).

- 01 (một) xe mô tô hiệu Ware màu xanh, biển số 92G1-300.55 (*đã trả lại cho bà Nguyễn Thị H1*).

- 01 (một) áo len dài tay, cổ trụ màu đen không có nhãn hiệu.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKSQS ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QS, tỉnh Q N truy tố bị cáo Nguyễn Hồng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QS, tỉnh Q N vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng N về tội “*Trộm cắp tài sản*”, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N mức án từ 15 đến 18 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 đến 36 tháng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trả lại cho bị cáo N và chị Trần Thị Thu T các loại giấy tờ, tài sản đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện QS, tỉnh Q N.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi người bị hại, xin lỗi bố, mẹ và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không phân tích.

[3] Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo N đã thừa nhận hành vi phạm tội đối chiếu với lời khai những người tham gia tố tụng khác, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 21/4/2022, tại thôn P Th, xã Q Th, huyện Q S, bị cáo Nguyễn Hồng N đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản thuộc quyền quản lý của ông Phan Văn L là 01 xe ô tô biển số 92A-097.69 có giá trị định giá là 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*).

Với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: bị cáo Nguyễn Hồng N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng số 26/CT-VKSQS ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QS, tỉnh Q N và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Quyền sở hữu tài sản của mọi công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Mặc dù tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo nhưng bị cáo đã chuyển giao quyền quản lý tài sản cho người khác thông qua hợp đồng vay mượn tiền. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở và mất cảnh giác của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo, bản thân bị cáo có nhiều thành tích trong học tập, công tác, cha bị cáo ông Nguyễn Chí H và mẹ bị cáo bà Nguyễn Thị X đều là Thương binh, bị cáo có 02 con nhỏ, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2022. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 65 xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao về địa phương giám sát giáo dục bị cáo cũng đủ cải tạo trở thành người công dân tốt.

[6] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hồng N, 01 áo len dài tay, cổ trụ màu đen không có nhãn hiệu không liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo N.

- Trả lại cho chị Trần Thị Thu T 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 92A-097.69; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A-097.69 (bản phô tô công chứng); 01 (một) chìa khóa dài 9,5cm rộng 3cm, có logo hãng Toyota, có hai nút bấm mở và khóa.

- Đối với các vật chứng khác thu giữ trong vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: ông L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Đối với hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Đối với anh Lưu Văn Th có cùng với bị cáo N đi cầm xe ô tô 92A-097.69. Tuy nhiên, Th không biết việc bị cáo N trộm cắp xe ô tô 92A.097.69 nên không có căn cứ để xử lý.

- Xe ô tô 92A-097.69 là tài sản chung của bị cáo N và chị Trần Thị Thu T, việc bị cáo N đem xe ô tô đi cầm cố có thông báo cho chị T biết và chị T không có ý kiến gì nên không có căn cứ để xử lý đối với chị T là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng N 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Q N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xử:

- Trả lại cho bị cáo 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Hồng N và 01 áo len dài tay, cổ trụ màu đen không có nhãn hiệu.

- Trả lại cho chị Trần Thị Thu T 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển kiểm soát 92A-097.69; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 92A-097.69 (bản phô tô công chứng); 01 (một) chìa khóa dài 9,5cm rộng 3cm, có logo hãng Toyota, có hai nút bấm mở và khóa.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/7/2022).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/8/2022). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền

kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quế Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ